TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:164/2018/HNGĐ- ST
Ngày 22-8-2018.
V/v"Ly hôn,tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Lê Thi Văn;

2. Ông Nguyễn Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương,là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Ông Hồ Thái Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:123/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn,tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1152/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà Đỗ Thị Lệ T, sinh năm 1975

Địa chỉ:Số 171 CVA, thị trấn P M, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn D T, thị trấn P M, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, (ông Trần Minh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Lệ T trình bày:

Bà Đỗ Thị Lệ T với ông Trần Minh H có đăng ký kết hôn vào năm 2013, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Mỹ, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình

chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn nhưng tự khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẩn là do ông H không quan tâm gia đình, vợ chồng sống không có tình cảm và không còn chung sống từ tháng 10/2016 cho đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Con chung của vợ chồng có 01 người là:Trần Đỗ Diễm M-Sinh ngày 21/6/2014, hiện đang sống với bà T. Ly hôn, bà T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng không nợ nần gì của ai.

Tại bản khai ngày 29/6/2018, bị đơn là ông Trần Minh H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và tài sản chung, ông Trần Minh H khai thống nhất như trình bày nêu trên của bà T. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau nên không còn yêu thương và chung sống với nhau. Vì vậy, ông Hchấp nhận ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H thống nhất để bà T nuôi con.

Về tài sản chung, ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm. Ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

-Về nội dung:

+ Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Lệ T với ông Trần Minh H.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Đỗ Diễm M-Sinh ngày 21/6/2014 cho bà Đỗ Thị Lệ T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Lệ T không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị Lệ T yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh H hiện đang cư trú tại: Thôn D T, thị trấn P M, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Bị đơn ông Trần Minh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đỗ Thị Lệ T và ông Trần Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P M, Phù Mỹ, Bình Định chứng nhận kết hôn số:84, quyển số: 01, ngày 08 tháng 10 năm 2013. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Lệ T và ông Trần Minh H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị Lệ T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Tuy nhiên, căn cứ vào trình bày của bà T và ông H thì giữa ông, bà đã không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Bà T và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và hiện tại vợ chồng không chung sống với nhau. Ông H cũng chấp nhận ly hôn với bà T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Hđã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Tđược ly hôn với ông H.

Về con chung: Con chung của vợ chồng có 01 người là: Trần Đỗ Diễm M- Sinh ngày 21/6/2014, hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng; ông H chấp nhận yêu cầu của bà T. Vì vậy, Giao con T nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H đều xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Đỗ Thị Lệ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bà Đỗ Thị Lệ T và ông Trần Minh H.

- Về con chung: Giao con chung là: Trần Đỗ Diễm M-Sinh ngày 21/6/2014 cho bà Đỗ Thị Lệ T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Lệ T không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Lệ T và ông Trần Minh H đều xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số:0000496 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Bà Đỗ Thị Lệ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Lệ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuậnthi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁCHỘI THẨM NHÂN DÂN THẨMPHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thành